

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **02/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 16-01-2023
Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Triều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Quang Thành
2. Ông Đỗ Ngọc Quý

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quý Võ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trần Nam Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2022/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 3 năm 2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trà M, sinh năm: 1999

Địa chỉ cư trú: Thôn N, xã S, huyện V, tỉnh Khánh Hòa (Vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Trần Hữu L, sinh năm: 1993

Địa chỉ cư trú: Thôn N, xã S, huyện V, tỉnh Khánh Hòa (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trà M trình bày:

Bà và ông Trần Hữu L tự nguyện tìm hiểu, đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn và được UBND xã S, huyện V, tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 39/2017, ngày 09/8/2017. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng

chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2019, phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, không còn tôn trọng nhau; ông L cũng không quan tâm gì đến vợ con. Từ năm 2020 đến nay, vợ chồng sống mỗi người mỗi nơi, mạnh ai nấy sống, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà M yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Hữu L.

Về con chung: Bà và ông Trần Hữu L có 01 con chung là Trần Anh K, sinh ngày: 09/10/2016. Bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Nguyên đơn xác định không có nợ chung.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Phát biểu tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V kết luận:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại các phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; nguyên đơn được trực tiếp nuôi 01 con chung; ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xét. Nguyên đơn chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Bà Nguyễn Thị Trà M có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Trần Hữu L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

Bà Nguyễn Thị Trà M có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V giải quyết ly hôn đối với ông Trần Hữu L. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Bà Nguyễn Thị Trà M và ông Trần Hữu L tự nguyện đi đến kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Sơn, huyện V, tỉnh Khánh Hòa, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 39/2017, ngày 09/8/2017. Do đó, hôn nhân giữa bà M và ông L là hôn nhân hợp pháp.

Biên bản xác minh của chính quyền địa phương không xác định được nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân của các bên. Tuy nhiên, qua lời khai của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Trà M và ông Trần Hữu L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận. Bên cạnh đó, ông Trần Hữu L đã nhiều lần được Tòa án triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt cho thấy ông L không có thiện chí hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Trà M và ông Trần Hữu L có 01 con chung là Trần Anh Kiệt, sinh ngày: 09/10/2016. Bà Nguyễn Thị Trà M yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Hiện nay, con chung đang chung sống cùng với mẹ. Bà M đủ điều kiện để yêu thương con, chăm lo cho việc sinh hoạt, học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con. Do đó, việc giao cháu Trần Anh Kiệt cho bà Nguyễn Thị Trà M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Trà M về việc không yêu cầu ông Trần Hữu L cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Trà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Trà M chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:**

- Điều 28, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trà M được ly hôn ông Trần Hữu L.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Trà M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung là Trần Anh Kiệt, sinh ngày: 09/10/2016.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Trà M về việc không yêu cầu ông Trần Hữu L cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Hữu L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Trà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Trà M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về “Ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0003328 ngày 25/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện V;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã S;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thủy Triều